

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 3 - 2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Minh

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

2 - Bị đơn: Anh Vũ Nhật M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Nhật M ngày 02/5/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh M. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, điều kiện kinh tế khó khăn, anh M không chịu lao động để chăm lo kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, quá trình sống ly thân và gia đình hai bên có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Nhật M.

Bị đơn anh Vũ Nhật M vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2022, anh M trình bày: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn ngày 02/5/2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 10/2022 chị H bỏ đi nơi khác ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh vẫn xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Chị H và anh M đều thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 24/6/2009 và cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 17/7/2020; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh M. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu Q, để anh M nuôi cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; anh M đề nghị được nuôi cháu N và cháu Q, không yêu cầu chị H phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Vũ Thị H ly hôn với anh Vũ Nhật M. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu Vũ Minh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Vũ Minh N cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; bị đơn anh Vũ Nhật M có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã X, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Vũ Nhật M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh M không đến Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Vũ Nhật M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh M là hợp pháp. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, điều kiện kinh tế khó khăn anh M không chịu làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; anh M cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Chị H và anh M đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh M; anh M xác định không còn tình cảm với chị H nhưng vẫn xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã X để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M có nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp, phiên hòa giải và thông báo hợp lệ cho anh M, nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do. Như vậy việc anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vẫn xin đoàn tụ là không thực tâm vì anh chị đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị H xin ly hôn anh M là có căn cứ phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 24/6/2009 và cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 17/7/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh M. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q, để anh M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; anh M đề nghị được nuôi cả hai cháu và không đề nghị chị H phải đóng góp nuôi con chung. Chị H hiện là công nhân tại khu công nghiệp B 2 có thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng; anh M là lao động tự do thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện nay cháu N đang ở ổn định cùng anh M; cháu Q còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi rất cần nhiều sự chăm sóc của mẹ. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của cháu N cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định của pháp luật, nên cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q; giao cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn với anh Vũ Nhật M.

2. Về con chung: Chị Vũ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 17/7/2020; anh Vũ Nhật M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Minh N, sinh ngày 24/6/2009 (cháu N và cháu Q đang ở cùng anh M). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006474 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự.
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

